

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 907/2023/HS-PT
Ngày 11 tháng 12 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lệ;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;
Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 920/TLPT-HS ngày 29/8/2023 đối với bị cáo Vũ Tuấn A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2023/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Tuấn A, sinh năm 1969 tại huyện T1, tỉnh T.

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường B, thị xã B1, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc O và bà Nguyễn Thị T2; có vợ Nguyễn Thị T3 (đã ly hôn), có 02 con sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 09/11/2005 bị Công an thị xã B1 xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; tạm giữ từ ngày 25/12/2023 đến ngày 03/01/2023 chuyển tạm giam, ngày 22/02/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có các bị cáo Bùi Văn D, Vi Thị T4 không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/12/2022, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh T phát hiện, bắt quả tang tại khu vực Lô C, bắc khu A, khu công nghiệp B1, thuộc địa bàn xã H, huyện H1, tỉnh T. Bùi Văn D và Vi Thị T4 đang có hành vi sử dụng hỗn hợp các hạt tinh thể màu trắng (nghi là thuốc nổ ANFO) và kíp nổ

điện cho vào các lỗ đã khoan sẵn trên vách đá để chuẩn bị nổ mìn khai thác đá. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, và thu giữ: 19 vật hình trụ bằng kim loại, vỏ nhôm, đầu vật có gắn 02 sợi dây điện màu vàng (nghĩ là kíp nổ điện); 13kg các hạt tinh thể dạng hình cầu màu trắng đục có mùi dầu dạng dầu Diezen; 01 thùng nhựa bên ngoài có dòng chữ màu đỏ “K”; 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu S A11 và 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu V.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường tại khu vực Lô C, bắc khu A, khu công nghiệp B1, T phát hiện 03 lỗ khoan đã được nhồi các hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là thuốc nổ), trong đó có 02 lỗ khoan đã được chôn lấp các sợi dây điện (nghĩ đã chôn kíp điện kích nổ) và thu giữ: Các hạt tinh thể hình cầu màu trắng đục có lẫn đất đá tại miệng lỗ khoan số 1, 2, 3.

Đến 15h15 phút, ngày 25/12/2022 Vũ Tuấn A ra đầu thú và khai báo là người trực tiếp nói với Bùi Văn D và Vi Thị T4 sử dụng hỗn hợp các hạt tinh thể màu trắng (là thuốc nổ ANFO) và kíp nổ điện cho vào các lỗ đã khoan sẵn trên vách đá chuẩn bị nổ mìn khai thác đá tại Lô C, bắc khu A, khu công nghiệp B1, T.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Tuấn A đã phát hiện thu giữ tại phòng bếp 13 kilôgam, các hạt tinh thể dạng hình cầu màu trắng đục có mùi dầu (nghĩ là thuốc nổ) đựng trong bì xác rắn và 01 điện thoại di động nhãn hiệu I 13 Pro max.

Tại bản Kết luận giám định số 9086/KL-KTHS ngày 28/12/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Vật chứng tại hiện trường là thuốc nổ công nghiệp ANFO (có khối lượng 13kg) thuộc nhóm vật liệu nổ và 19 kíp nổ điện vỏ nhôm, là phụ kiện nổ thuộc nhóm vật liệu nổ; 03 mẫu các hạt tinh thể màu trắng đục lẫn tạp chất (tổng 180gam) thu được ở 03 miệng lỗ khoan đều có thuốc nổ công nghiệp ANFO. Vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét là thuốc nổ công nghiệp ANFO (có khối lượng 13kg) thuộc vật liệu nổ. (BL 186-187)

Quá trình điều tra đã xác định:

Tháng 9 năm 2022, Công ty TNHH xây dựng H2 (do bà Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1976 làm Giám đốc, chồng là ông Lê Thanh H3, thành viên góp vốn) có địa chỉ tại số 137, đường T5, Khu phố 5, thị xã B1, tỉnh T ký hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng T6 Việt Nam có địa chỉ tại quận Đ, H để thi công 03 lô mặt bằng thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật bắc khu A, khu công nghiệp B1, trong đó có Lô C. Do không có đủ phương tiện và không có kinh nghiệm trong việc phá đá tại công trình nên khoảng giữa tháng 12 năm 2022, Lê Thanh H3 đã thuê Vũ Tuấn A thi công với chi phí là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Sau khi nhận thi công, Vũ Tuấn A đã thuê Bùi Văn D, Bùi Văn T7, Bùi Văn T8, Bùi Văn H5 (đều ở địa bàn xã T9, huyện T1) và Vi Văn T4 ở xã L, huyện T10 thực hiện việc thi công phá đá bằng phương pháp khoan lỗ, sau đó sử dụng bột nổ. Khoảng gần cuối tháng 12/2022, trong lúc đang thi công, có một

người đàn ông lạ mặt (đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang) đi vào nơi Vũ Tuấn A cùng tổ thợ đang khoan. Tại đây, người đàn ông nói chuyện với Vũ Tuấn A và giới thiệu tên là H6, ở tỉnh N (không rõ địa chỉ cụ thể). H6 hỏi Vũ Tuấn A xem phá đá bằng phương pháp gì thì Vũ Tuấn A nói sử dụng bột nổ, H6 bảo Vũ Tuấn A sao không dùng thuốc nổ mà đánh cho nhanh thì Vũ Tuấn A nói không được sử dụng. H6 nói, mua tiền chất rồi đổ tí dầu (tức dầu diesel) vào rồi đánh lúc vắng người thì ai biết đâu. Lúc này, Vũ Tuấn A bảo nhưng có biết chỗ nào bán đâu và làm như thế nào, thấy vậy, H6 đặt vấn đề hiện H6 còn một bì 25kg và hơn 20 cái kíp nổ điện. Vũ Tuấn A hỏi giá thì H6 nói để lại cho Vũ Tuấn A số tiền chất và kíp nổ đó với giá 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), Vũ Tuấn A đồng ý mua và thỏa thuận khi nào giao hàng thì nhận tiền, đồng thời khi Vũ Tuấn A bảo H6 cho xem mặt thì H6 nói không quan trọng, miễn có hàng giao cho Vũ Tuấn A là được, H6 lấy số điện thoại của Vũ Tuấn A, đồng thời cho Vũ Tuấn A số điện thoại 0522.057 của H6 và dặn khi nào giao hàng (tiền chất thuốc nổ và kíp nổ) thì sẽ chủ động điện thông báo địa điểm giao.

Cách 02 ngày sau, khoảng 09 giờ sáng ngày 25/12/2022, H6 gọi điện cho Vũ Tuấn A ra địa điểm nút giao tàu hỏa lồi rẽ vào Ủy ban nhân dân xã H7, huyện H1 để nhận hàng (tiền chất thuốc nổ và kíp nổ). Thấy đường xa nên Vũ Tuấn A bảo H6 đem ra B1 để giao nhưng H6 không đồng ý, lúc này Vũ Tuấn A lấy xe máy đi đến điểm hẹn thì thấy H6 đứng một mình. Tại đây, H6 nói tiền chất thuốc nổ và kíp nổ đang để bên trong đường tàu, Vũ Tuấn A nhìn thấy vị trí đặt tiền chất thuốc nổ và kíp nổ theo hướng H6 chỉ, đồng thời H6 nói có mấy lạng tiền chất dư ra, H6 cho Vũ Tuấn A (không lấy tiền). Vũ Tuấn A lấy tiền thanh toán cho H6, do không có tiền lẻ nên Vũ Tuấn A đã đưa cho H6 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Trong lúc chờ H6 lấy tiền lẻ trong túi trả lại, Vũ Tuấn A trèo qua lan can đi qua đường sắt, nơi H6 đặt bì tiền chất thì thấy có một bì tiền chất còn nguyên vẹn, bên cạnh bì tiền chất là một cái túi bóng đen, mở ra bên trong có một vỏ bì xác rắn màu trắng, dưới đáy bì có một ít tiền chất và có một túi bóng mềm chứa 23 cái kíp nổ điện. Vũ Tuấn A đem số hàng trên ra chỗ H6 để lấy tiền thừa thì H6 đã bỏ đi. Sau đó, Tuấn Anh mở cốp xe bỏ túi bóng đen chứa tiền chất thuốc nổ và kíp nổ vào cốp xe, đặt bì tiền chất còn nguyên vẹn ở góc бага của xe máy rồi chở thẳng về kho bếp nhà ở của mình để cất giấu.

Sau khi đem tiền chất thuốc nổ và kíp nổ về đến nhà, Vũ Tuấn A lấy số tiền chất lẻ, xách theo can dầu diesel ra ngoài bãi khoan. Khi ra đến nơi, thấy Vi Văn T4, Bùi Văn D, Bùi Văn H5, Bùi Văn T7, Bùi Văn T8 đang khoan. Vũ Tuấn A bảo Bùi Văn H5, Bùi Văn T7, Bùi Văn T8 đi ra chỗ khác khoan (cách đó khoảng 200 mét), còn Bùi Văn D và Vi Văn T4 ở lại. Thấy Vũ Tuấn A lấy tiền chất thuốc nổ ra trộn với dầu, Bùi Văn D và Vi Văn T4 hỏi thì Vũ Tuấn A nói là thuốc nổ và dặn không được nói cho ai biết, Vũ Tuấn A nói *“nổ lấy mấy quả cho Công ty thấy, không có lại giục”*. Rồi Vũ Tuấn A tự mình tra thuốc nổ cùng 02 kíp nổ điện vào 02 lỗ khoan và bảo Bùi Văn D và Vi Văn T4 chạy cách xa vị trí lỗ khoan đã tra thuốc nổ khoảng 150 mét rồi chú ý người lạ. Vũ Tuấn A nối dây điện kích nổ 02 lỗ khoan; thấy có tiếng nổ, đến trưa cùng ngày, Bùi Văn H5,

Bùi Văn T8, Bùi Văn T7 hỏi là tiếng gì nổ thì Vũ Tuấn A bảo chắc tiếng nổ lốp xe hoặc gì đó nên không ai hỏi thêm gì nữa.

Khi hết giờ làm, cả 05 người gồm: Bùi Văn D, Vi Văn T4, Bùi Văn H5, Bùi Văn T7, Bùi Văn T8 về nhà Vũ Tuấn A ăn cơm và nghỉ trưa. Khoảng 13h30 phút cùng ngày, Vũ Tuấn A gọi điện thoại về nhà cho Vi Văn T4, bảo đưa máy cho Bùi Văn D, rồi bảo Bùi Văn D cùng với Vi Văn T4 vào kho nhà bếp lấy bì tiền chất thuốc nổ ra trộn với nửa ca dầu diesel rồi chia đôi ra, để lại một nửa trong kho, còn một nửa đem ra ngoài bãi khoan để tra vào các lỗ khoan đã khoan trước đó. Do biết là thuốc nổ nên Bùi Văn D nói “*em không làm cái đó đâu*” thì Vũ Tuấn A gắt gỏng “*Tao bảo mày trộn thuốc rồi đem ra tra vào lỗ khoan chứ có bảo mày nổ đâu mà mày sợ, cứ tra vào đó rồi chiều về tao nổ cho*” và dặn Bùi Văn D mỗi lỗ khoan thì đổ nửa lon (lon nước uống bò húc cắt ra) rồi cho kíp xuống kéo dây điện lên trên miệng lỗ, đổ khoảng 01 lon thuốc nổ nữa xuống rồi chèn đất lên thật chặt. Sau khi Bùi Văn H5, Bùi Văn T7, Bùi Văn T8 đi làm, lúc này Bùi Văn D và Vi Văn T4 lấy bì tiền chất đổ ra sàn rồi lấy gần 01 ca dầu (loại ca có dung tích 02 lít) tưới lên, Vi Văn T4 là người trộn đều cho dầu ngấm vào tiền chất. Sau khi trộn xong, Bùi Văn D và Vi Văn T4 chia đôi, một nửa để ở lại nhà kho, một nửa đem ra công trường. Tại công trường, Bùi Văn D và Vi Văn T4 đã tra thuốc nổ, kíp nổ và chèn đất vào 02 lỗ khoan, khi đang tra thuốc nổ vào lỗ khoan thứ 3 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ tại chỗ 13kg thuốc nổ ANFO và 19 kíp nổ điện.

Cáo trạng số 38/CT-VKS-P1 ngày 21/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T truy tố Vũ Tuấn A, Bùi Văn D, Vi Văn T4 tội “*Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*” theo điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2023/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã tuyên bị cáo Vũ Tuấn A phạm tội “*Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, xử phạt **Vũ Tuấn A 36** (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2022 đến 22/02/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong cùng vụ án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo khác không kháng cáo; bị cáo Vũ Tuấn A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Tuấn A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo trình bày bản thân bị cáo học hết lớp 6, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật bị hạn chế, bị cáo phạm tội do nhất thời bị đối tượng H6 rủ rê, lôi kéo thực hiện hành vi phạm tội, trước đó bị cáo chưa có lần nào chế tạo

vật liệu nổ; bị cáo cung cấp các tài liệu mới gồm: Bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Cục Thi hành dân sự tỉnh T; gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn (có xác nhận của UBND phường B), bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo đã ly hôn vợ, đang phải nuôi bố mẹ già 90 tuổi thường xuyên ốm đau, em gái tàn tật bị bệnh tim bẩm sinh, Nhà nước phải trợ cấp hàng tháng, nuôi 03 con nhỏ (trong đó 01 con nhỏ sinh non mới được 1 tuổi) rất cần sự chăm sóc của bị cáo; bản thân bị cáo cũng thường xuyên ốm đau, đang phải điều trị nhiều bệnh như hở van tim, gout...gia đình bị cáo luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở thành người có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định; lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và kết án bị cáo về tội "*Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*" theo điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đánh giá các tình tiết có trong hồ sơ vụ án cũng như hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo; đánh giá nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, các tình tiết mới mà các bị cáo xuất trình tại phiên tòa thấy rằng: Bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội do nhất thời; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình đang phải nuôi mẹ già, em gái tàn tật và con nhỏ. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

Kháng cáo của bị cáo Vũ Tuấn A trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Tuấn A khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/12/2022, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh T phát hiện, bắt quả tang tại khu vực lô C, bắc khu A, khu công nghiệp B1, thuộc địa bàn xã H, huyện H1, tỉnh T. Bùi Văn D và Vi Văn T4 đang có hành vi sử dụng trái phép vật liệu nổ để khai thác đá. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của Vũ Tuấn A thu giữ 13kg thuốc nổ, 19 kíp nổ điện. Toàn bộ số thuốc nổ và kíp điện nói trên, Vũ Tuấn A mua tiền chất và cho Bùi Văn D và Vi Văn T4 trộn với dầu diezen. Kết luận giám định số 9086/KL-KTHS ngày 28/12/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Vật chứng tại hiện trường là thuốc nổ công nghiệp ANFO (có khối lượng 13kg) thuộc nhóm vật liệu nổ và 19 kíp nổ điện vỏ nhôm, là phụ kiện nổ thuộc nhóm vật liệu nổ; 03 mẫu các hạt tinh thể màu trắng đục lẫn tạp chất (tổng 180gam) thu được ở 03 miệng lỗ khoan đều có thuốc nổ công nghiệp ANFO. Vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét là thuốc nổ công nghiệp ANFO (có khối lượng 13kg) thuộc vật liệu nổ. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Vũ Tuấn A về tội “*Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*” theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Tuấn A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tới chế độ quản lý Nhà nước về vật liệu nổ được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn ảnh hưởng tình hình trị an xã hội, chế tạo, sử dụng thuốc nổ trái phép ảnh hưởng tới môi trường sinh thái, sức khỏe, tính mạng con người.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cung cấp thông tin cho Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh T về hành vi của các đối tượng vận chuyển thuốc nổ, vũ khí, đạn súng săn để sử dụng và bán cho các đối tượng khác, trên cơ sở thông tin do Vũ Tuấn A cung cấp, Cơ quan An ninh điều tra đã khởi tố vụ án chế tạo, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí vật liệu nổ xảy ra tại địa bàn tỉnh T và một số tỉnh thành phố, ngày 18/4/2023 khởi tố bị can đối với 04 đối tượng Phạm Văn Đ1, Trần Văn D1, Kiều Thanh T11 và Nguyễn Đình T12, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 36 tháng tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong vụ án này thấy rằng, đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội mang tính chất tự phát, không có sự phân công bàn bạc; nguyên nhân phạm tội xuất phát từ việc do không có đủ phương tiện và không có kinh nghiệm trong việc phá đá tại công trường, bị cáo đã bị đối tượng tên H6 rủ rê mua tiền chất rồi đổ dầu (tức dầu diesel) vào để phá đá công trình. Do muốn đảm bảo thời lượng thi công công trình, bị cáo đã mua số tiền chất và kíp nổ theo lời đối tượng tên H6 và chế tạo vật liệu nổ theo sự hướng dẫn của đối tượng tên H6, bị cáo có trình độ học vấn thấp 6/10 nên nhận thức

pháp luật còn hạn chế dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo trước khi phạm tội không phải là người chuyên chế tạo vật liệu nổ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo cung cấp các tài liệu mới: Biên lai thu tiền số AA/2022/0000830 ngày 16/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T thể hiện bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn (có xác nhận của UBND phường B, thị xã B1, tỉnh T), bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo đã ly hôn vợ, đang phải nuôi bố mẹ già 90 tuổi thường xuyên ốm đau, em gái tàn tật bị bệnh tim bẩm sinh, Nhà nước phải trợ cấp hàng tháng, nuôi 03 con nhỏ (trong đó 01 con nhỏ sinh non mới được 1 tuổi) rất cần sự chăm sóc của bị cáo; bản thân bị cáo cũng thường xuyên ốm đau, đang phải điều trị nhiều bệnh như hở van tim, gout...gia đình bị cáo luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương, đây là các tình tiết mới đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm vào khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo Vũ Tuấn A có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; trên cơ sở đánh giá mức độ, tính chất hành vi phạm tội, thái độ khai báo, chấp hành pháp luật, bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Tuấn A như quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, để bị cáo có động lực tích cực tu dưỡng bản thân, đồng thời cũng thể hiện được tính nhân đạo giáo dục người lầm lỗi, đây cũng là sự khoan hồng theo chính sách, đường lối của Đảng và pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vũ Tuấn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Tuấn A; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2023/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh T về phần hình phạt đối với bị cáo Vũ Tuấn A ;

Tuyên bố bị cáo Vũ Tuấn A phạm tội “*Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136;

Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, xử phạt **Vũ Tuấn A** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vũ Tuấn A cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B1, tỉnh T để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2022/0000830 ngày 16/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

[2] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vũ Tuấn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- Công an tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- UBND phường B, thị xã B1, tỉnh T (để thi hành);
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Lệ